

ĐIỂM THI HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Đức Khóa: Khóa 2016

Học kỳ: Kỳ 8 Lần thi: Lần 1 Môn học: GER418 Chuyên đề Dịch Đức

Ngày thi: 8h, thứ 3, ngày 12.05.2020 - P.409 D2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	GK 30%	CK 70%	Điểm TB	Điểm TBLT	Ghi chú
1	1507050017	TẠ MINH CHÂU	26/09/1995	1Đ-16	9.00	9.25	9.18	9.00	
2	1507050030	TẠ THỊ THANH HÀ	08/10/1997	1Đ-16	7.75	7.00	7.23	7.00	
3	1507050040	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	25/11/1997	1Đ-16	9.00	8.25	8.48	8.50	
4	1507050052	HỒ KIỀU LAN	15/09/1997	1Đ-16	9.00	9.50	9.35	9.50	
5	1507050093	LÝ PHƯƠNG THẢO	01/01/1997	2Đ-16	8.75	9.00	8.93	9.00	
6	1507050110	LÊ QUỲNH TRANG	14/10/1997	1Đ-16	8.00	8.00	8.00	8.00	
7	1507050116	TRẦN VIỆT TRINH	20/09/1997	1Đ-16	9.00	8.75	8.83	9.00	
8	1507050118	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	29/08/1997	2Đ-16	8.25	8.75	8.60	8.50	
9	1507050126	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	26/01/1997	1Đ-16	8.75	6.00	6.83	7.00	
10	1607050023	Nguyễn Bảo Châm	24/02/1998	1Đ-16	7.25	7.00	7.08	7.00	
11	1607050024	Nguyễn Đỗ Quỳnh Chi	24/09/1998	2Đ-16	8.75	7.75	8.05	8.00	
12	1607050025	Nguyễn Kim Chi	13/11/1998	2Đ-16	7.75	6.75	7.05	7.00	
13	1607050027	Nguyễn Tăng Đạo	13/10/1998	2Đ-16	8.50	7.25	7.63	7.50	
14	1607050032	Lê Thuý Dương	18/02/1998	2Đ-16	7.50	B	#####	#####	bỏ thi CK
15	1607050034	Lành Thị Hương Duyên	16/11/1998	1Đ-16	7.75	7.75	7.75	8.00	
16	1607050035	Nguyễn Thị Duyên	10/07/1998	2Đ-16	7.25	7.00	7.08	7.00	
17	1607050038	Nguyễn Thị Thu Hà	07/09/1998	1Đ-16	7.75	6.25	6.70	6.50	
18	1607050041	Nguyễn Thúy Hằng	18/10/1998	1Đ-16	8.00	7.50	7.65	7.50	
19	1607050044	Trần Hồng Hạnh	28/03/1998	2Đ-16	7.50	5.75	6.28	6.50	
20	1607050049	Đinh Thuý Huyền	20/10/1998	2Đ-16	8.00	6.00	6.60	6.50	
21	1607050053	Nguyễn Thu Huyền	03/09/1998	1Đ-16	7.75	5.50	6.18	6.00	
22	1607050060	Hoàng Hà Linh	16/02/1998	1Đ-16	8.25	8.00	8.08	8.00	
23	1607050063	Ngô Thị Thảo Linh	23/12/1998	2Đ-16	8.00	5.75	6.43	6.50	
24	1607050074	Nguyễn Thị Huyền My	03/11/1998	1Đ-16	7.75	7.00	7.23	7.00	
25	1607050081	Hoàng Thị Nhung	22/10/1998	2Đ-16	8.75	7.00	7.53	7.50	
26	1607050084	Bùi Việt Phương	21/05/1998	1Đ-16	8.25	7.75	7.90	8.00	
27	1607050085	Lê Thu Phương	10/12/1998	1Đ-16	9.00	9.25	9.18	9.00	
28	1607050090	Nguyễn Minh Quân	04/06/1998	1Đ-16	8.75	8.75	8.75	9.00	
29	1607050098	Đào Thị Phương Thảo	11/03/1998	1Đ-16	7.75	7.75	7.75	8.00	
30	1607050109	Chu Thanh Thủy	02/07/1998	1Đ-16	8.75	8.25	8.40	8.50	
31	1607050113	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02/10/1998	2Đ-16	8.25	7.25	7.55	7.50	
32	1607050121	Trần Hà Trang	20/06/1998	2Đ-16	8.50	8.50	8.50	8.50	
33	1607052143	Phan Vũ Tùng	14/12/1998	1Đ-16	9.00	8.75	8.83	9.00	
34	1607050008	Lù Thị Thục Anh	05/02/1998	2Đ-16	0.00	K	#####	#####	ĐKT 11/15
35	1607050072	Nguyễn Thị Phương Mai	04/04/1998	2Đ-16	0.00	K	#####	#####	ĐKT 8/15

Người lập bảng

Hà Nội, ngày 02.06.2020
 Trưởng khoa

